

Bản án số: 160/2017/HSPT

Ngày: 15/9/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông D Xuân Tuấn

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Nguyễn Thị Chinh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình S thụ lý số 135/2017/HSPT ngày 08/8/2017 đối với bị cáo Đào Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình S sơ thẩm số 147/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Bị cáo có kháng cáo:

Đào Đ - Sinh năm 1992

Nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã Q, thành phố T; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 9/12; con ông: Đào Đức Ch và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ. Tiền S: không.

Tiền án: Ngày 18/8/2009 TAND huyện X, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Ngày 26/10/2010 TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 32 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Ngày 11/11/2010 TAND huyện X, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong ngày 07/11/2015.

Bị bắt tạm giữ ngày 22/11/2016; tạm giam ngày 01/12/2016, có mặt.

Người bị hại không kháng cáo: Nguyễn Thị H, Lê Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo: Hoàng Quốc S.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng và Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

1. Hành vi cướp giết tài sản: Khoảng 18h 15’ ngày 03/11/2016, ông Lê Văn G điều khiển xe máy chở vợ là bà Nguyễn Thị H đi đến khu vực công viên Thiệu Nhi, đường Lê Hoàn, phường Ba Đ, thành phố Thanh Hóa thì bị Đào Đ và 01 đối tượng nam giới (chưa xác định được) đi xe máy vượt lên áp sát về phía bên trái. Lúc này Đ ngồi sau dùng tay giết chiếc túi xách của bà H. Theo báo cáo của bà H bên trong túi xách có 9.700.000đ; 01 điện thoại di động Sam sung J7 màu trắng có

số imei 1: 358301071324628 và imei 2: 0358302071324626; 02 điện thoại Nokia 105 có số imei 356866070410224 và 35303206265773015; 01 số giấy tờ tùy thân, thẻ ATM, CMND của khách hàng làm bảo hiểm.

Sau đó, Đ đem chiếc điện thoại Sam sung J7 đến bán cho anh Hoàng Quốc S với giá 2.000.000đ. Chứng kiến việc mua bán chiếc điện thoại tại cửa hàng còn có anh Nguyễn Công S. Anh Công S đã mua lại chiếc điện thoại này của anh Quốc S với giá 2.200.000đ . Anh Quốc S và Công S đều không biết tài sản do Đ phạm tội mà có. Anh Công S đã giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra. Anh Quốc S đã giao nộp cho Công an số tiền chênh lệch là 200.000đ. Anh Quốc S và Công S đều không có yêu cầu gì về dân S.

Một chiếc điện thoại Nokia 105, Đ đã đem cho Phạm Văn T, khi biết tài sản do phạm tội mà có, anh T đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Chiếc túi xách và 01 điện thoại Nokia còn lại bị vớt lại ở khu vực hồ Núi Long, phường Đông V, thành phố Thanh Hóa. Sau đó có người gọi điện (không xác định được) cho bà H đến nhận lại.

Quá trình điều tra, Đào Đ không thừa nhận hành vi cướp giật số tài sản trên của bà H. Đào Đ khai: Ngày 03/11/2016 Đ ở cùng với chị Nguyễn Thị L. Khoảng 18h ngày 03/11/2016 Đ chở chị L đi ăn cơm tối rồi cùng đến nhà nghỉ Ven Đô ở xã Quảng Đ, thành phố Thanh Hóa thuê phòng ngủ lại đến sáng ngày 04/11/2016. Chiếc điện thoại Sam sung J7 màu trắng là của một người bạn tên D (Đ khai không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, quen nhau khi cùng cải tạo tại trại giam số 5). D đưa cho một người bạn (không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu), sau đó Đ đi cùng với người này đến cửa hàng bán cho anh Hoàng Quốc S, người này trực tiếp giao dịch mua bán với anh Quốc S và cầm tiền, Đ ngồi ngoài hút thuốc không tham gia.

Đối với chiếc điện thoại Nokia Đ đưa cho T; Đ khai mua ở cửa hàng điện thoại ngoài Hà Nội (không nhớ địa chỉ cụ thể) vào đầu tháng 10/2016. Đ đã cho Phạm Văn T chiếc điện thoại này.

Đối tượng điều khiển xe máy chở Đ giật túi xách của bà H, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra.

Ngày 21/12/2016 Hội đồng định giá trong tổ tụng hình S định giá tài sản bà H bị chiếm đoạt: 01 túi xách trị giá 100.000đ, 01 điện thoại Sam sung trị giá 4.000.000đ; 02 điện thoại Nokia trị giá 400.000đ (200.000đ/01 chiếc), tổng giá trị tài sản là 4.500.000đ. Bà H đã nhận lại số tài sản trên và yêu cầu Đào Đ phải bồi thường số tiền 9.700.000đ.

2). Hành vi trộm cắp tài sản: Khoảng 22^h ngày 14/11/2016, Đào Đ đi xe máy đến nhà Nguyễn Bá B, cả hai bàn nhau đi trộm chó. Đ điều khiển xe máy, B ngồi sau cầm theo 01 đoạn dây thép, 02 cuộn băng dính màu đen, trên đường đi nhặt thêm được 01 đoạn dây thép, 02 cuộn băng dính màu đen, khi đi đến khu vực xã Quảng Đ, thành phố Thanh Hóa thì thấy 01 con chó màu vàng của gia đình anh Lê Văn T đang nằm ở lề đường. Đ điều khiển xe áp sát, còn B dùng gậy đập vào đầu, dùng dây thép móc vào cổ con chó rồi điều khiển xe chạy ra phía cánh đồng thì dừng xe dùng băng dính bịt miệng chó lại. Sau đó, cả hai đem đến nhà anh Nguyễn Văn T bán được 350.000đ.

Ngày 29/11/2016 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình S định giá con chó của gia đình anh T có trị giá là 650.000đ.

Đối với Nguyễn Bá B hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý hành chính. Đối với chiếc xe máy BKS 36B1-60215 của ông Đào Đức C (bố Đ) mua của 01 người thanh niên không quen biết, không có giấy tờ mua bán, ông cho Đ mượn xe sử dụng, ông không biết việc Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án số 147/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định: Đào Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm c, d Khoản 2 Điều 136; điểm g, p Khoản 1 (đối với tội TCTS) Khoản 2 (đối với tội CGTS) Điều 46; Điều 33, 41, 50 BLHS. Xử phạt Đào Đ 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 51 tháng tù. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên công nhận việc dân S đã giải quyết xong, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 07/07/2017, Đào Đ có đơn kháng cáo kêu oan đối với tội “Cướp giật tài sản” cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi này, đề nghị xem xét cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thấy đơn kháng cáo kêu oan của Đào Đức A là không có căn cứ, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 248 BLTTHS, giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Đào Đ không thừa nhận thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà H vào khoảng lúc 18h 15’ ngày 03/11/2016 tại công viên Thiếu Nhi, đường Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa và đưa ra một số chứng cứ ngoại phạm, nhưng kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Đào Đ khai ngày 03/11/2016, Đ ở cùng với chị Nguyễn Thị L. Đến 18h cùng ngày, Đ chở chị L đi ăn cơm tối rồi cùng đến nhà nghỉ Ven Đô ở xã Quảng Đông, thành phố Thanh Hóa thuê phòng ngủ lại đến 09^h sáng ngày 04/11/2016 nhưng quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị L khẳng định tháng 11/2016 chị L không có lần nào đi nhà nghỉ với Đào Đ (BL 101-103). Biên bản xác minh tại nhà nghỉ Ven Đô thể hiện ngày 03/11/2016 sang ngày 04/11/2016 Đào Đ và Nguyễn Thị L không nghỉ ở nhà nghỉ Ven Đô (BL 128).

Chiếc điện thoại Sam sung J7 màu trắng, Đ khai là của một người bạn tên D, không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, quen nhau khi cùng cải tạo tại Trại giam số 5, D đưa cho một người bạn, không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Sau đó Đ đi cùng với người bạn này của D đến cửa hàng bán chiếc điện thoại cho anh Hoàng Quốc S. Người này mua bán với anh Quốc S còn Đ ngồi ngoài hút thuốc không tham gia. Kết quả điều tra, xác minh tại Trại giam số 5 Tổng cục 8 - Bộ Công an thì không có phạm nhân nào là Nguyễn Văn D (BL129); kết quả xác minh thì cũng không có đối tượng nào là Nguyễn Văn D ở trọ tại khu vực Đ khai báo (BL 127). Kết quả nhận dạng qua ảnh thì anh Hoàng Quốc S và Nguyễn Công S đều khẳng định Đào

Đ là người đã trực tiếp bán chiếc Sam sung J7 màu trắng có đặc điểm như khai báo của bà Nguyễn Thị H (BL 116-121).

Đối với chiếc điện thoại Nokia Đ đưa cho T; Đ khai mua của một cửa hàng ở Hà Nội nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể.

Kết quả nhận dạng đối tượng thực hiện hành vi cướp giật, bà H đã nhận ra Đào Đ là người ngồi sau xe máy giật chiếc túi xách của bà, bên trong có các tài sản như đã khai báo. Chiếc điện thoại Sam sung J7 màu trắng anh Công S nộp cho Cơ quan điều tra và chiếc điện thoại Nokia Đ đưa cho T thì bà H đã nhận đúng là tài sản của bà bị 02 đối tượng đi xe máy cướp giật tại đoạn đường nói trên vào chiều ngày 03/11/2016. Số tài sản này cũng đã được trao trả lại cho bà H.

Với những tài liệu, chứng cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18^h 15' ngày 03/11/2016, tại khu vực công viên Thiếu Nhi, đường Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa; Đào Đ cùng một đối tượng nam giới (chưa xác định được danh tính) điều khiển xe máy lưu thông trên đường, cướp giật tài sản của bà Nguyễn Thị H 01 chiếc túi xách, 03 điện thoại di động và 9.700.000đ tiền mặt cùng một số giấy tờ. Tổng giá trị tài sản theo định giá là 14.200.000đ.

Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và dùng “Thủ đoạn nguy hiểm” là xe máy để thực hiện tội phạm nên hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, gây mất trật tự trị an xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Bị cáo là đối tượng có nhiều tiền án, không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S tại khoản 1 Điều 46 BLHS và lại có nhiều tình tiết tăng nặng định khung, cần phải xử lý nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Với hành vi trên, Đào Đ bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c, d Khoản 2 Điều 136 BLHS là có căn cứ. Đơn kháng cáo kêu oan của Đào Đ là không có cơ sở. Vì vậy HĐXX giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Phần hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, cần được tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định tại Điều 50, 51BLHS.

Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

Vì các lý trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Đào Đ.

Giữ nguyên Bản án số 147/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về hình phạt đối với Đào Đ về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: điểm c, d khoản 2 Điều 136; Khoản 2 Điều 46; Điều 33, 50, 51 BLHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Đào Đ 42 (bốn hai) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp với hình phạt với 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số

147/2017/HSST ngày 28/6/2017 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2016.

Đào Đ phải nộp 200.000đ án phí HSPT

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình S phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- TAND thành phố Thanh Hóa;
- Công an thành phố Thanh Hóa;
- Thi hành án thành phố Thanh Hóa;
- bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Dương Xuân Tuấn